

Mẫu số: D23-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BL  
ngày 14/8/2023 của Bộ Tư pháp)

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TP HÀ NỘI  
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
HUYỆN GIA LÂM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N.  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...9A.9.../TB-THADS

Gia Lâm, ngày .04 tháng .07 năm 2024

## THÔNG BÁO

### Về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án số: 28/2022/DSST ngày 14 tháng 03 năm 2022 của TAND huyện Gia Lâm, TP Hà Nội;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 102/QĐ-CCTHADS ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, TP Hà Nội;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: 23/QĐ-CCTHADS ngày 28 tháng 08 năm 2023 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, TP Hà Nội;

Căn cứ Biên bản về việc kê biên, xử lý tài sản ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, TP Hà Nội,

Căn cứ kết quả thẩm định giá ngày 03 tháng 07 năm 2024 của Công ty cổ phần Giám định và Thẩm định giá Phương Đông.

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm; địa chỉ: Số 02 đường Cổ Bi, TT Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội cần lựa chọn tổ chức bán đấu giá để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá các tài sản đã kê biên sau:

\* Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 79 (1), tờ bản đồ số 45 tại địa chỉ thôn Ngọc Động, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 663069, vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: CH00159/121/QĐ-UBND do UBND huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội cấp ngày 19/01/2021 đứng tên ông Nguyễn Văn Huy. Diện tích của thửa đất là 155,5m<sup>2</sup>, trong đó có 140m<sup>2</sup> là đất ở và 15,5m<sup>2</sup> là đất vườn. Phần diện tích đất sử dụng chung dùng làm ngõ đi có diện tích là 72m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các điểm: 3,4,5,6,7,8,9,10,11 có giá trị:

140m<sup>2</sup> (đất ở nông thôn) x 35.229.000 đồng/01m<sup>2</sup> = 4.932.060.000 đồng (Bốn tỷ, chín trăm hai mươi hai triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng).

15,5m<sup>2</sup> (đất vườn) x 34.083.000 đồng/01 m<sup>2</sup> = 528.286.500 đồng (Năm trăm hai mươi tám triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm đồng).